

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2017/HSST
Ngày 09 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Cao Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ - Cán bộ hưu trí phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai và ông Nguyễn Bá Lý - Trưởng phòng tổ chức Hành chính Trung tâm y tế thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Diệp Bảo Kiệt - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Ông Hồ Kim Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 72/2017/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T; sinh năm 1991 tại Nghệ An; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ 3, thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 7/12; con ông Nguyễn Trọng M và bà Phan Thị M; bị cáo có chồng là Lê Đình P (đã ly hôn) và 2 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt ngày 03-6-2017, hiện đang bị tạm giam. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Thị T là người có sử dụng ma túy. Khoảng 11 giờ ngày 25-11-2014, T mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade (chưa xác định được biển kiểm soát) của đối tượng tên B (chưa xác định được họ tên, địa chỉ, là bạn của T) đi đến khu vực trước Bến xe Đức Long Gia Lai thuộc phường T, thành phố P để mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T gặp và mua của đối tượng thanh niên tên Đ (chưa xác định được họ tên, địa chỉ) 1 gói ma túy với giá tiền 300.000 đồng. Sau khi mua được ma túy, T quay về Quảng trường Đ thuộc phường T, thành phố P trả xe mô tô cho B, rồi phân chia gói ma túy mua được thành 3 gói nhỏ để sử dụng. Đến 12 giờ cùng ngày, khi T vừa phân chia ma túy xong, thì bị lực

lượng Cảnh sát bảo vệ Quảng trường phát hiện. Khi thấy có lực lượng Cảnh sát đến, đối tượng B điều khiển xe mô tô bỏ đi, còn T vút 3 gói ma túy xuống đất ngay tại vị trí mình đứng. Ngay sau đó, Cảnh sát bảo vệ Quảng trường đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đến lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T. Cơ quan điều tra thu giữ của T 3 gói bằng giấy, bên trong đều chứa chất rắn dạng cục, bột màu trắng và 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 kèm theo sim số; 3 gói bằng giấy được niêm phong theo quy định.

Qua trưng cầu giám định, tại Kết luận giám định số 291/KLGD ngày 04-12-2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Toàn bộ chất rắn dạng cục, bột màu trắng trong 03 (ba) gói giấy đựng trong bì công văn được niêm phong gửi giám định là chất ma túy, loại ma túy heroin, có tổng trọng lượng (đã trừ bì) là: 0,1527g”*.

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 06-02-2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T, về tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội;

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu, tiêu huỷ 1 phong bì được niêm phong số 6413/C54(P7) ngày 13-02-2015 của Viện Khoa học hình sự trực thuộc Tổng cục Cảnh sát của Bộ Công an.

Đối với 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 kèm theo sim số đã thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, vì vậy sẽ tuyên trả lại cho bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận về hành vi phạm tội của mình như sau:

Lúc 12 giờ ngày 25-11-2014, tại Quảng trường Đ thuộc phường T, thành phố P, khi Nguyễn Thị T đang tàng trữ 0,1527 gam chất ma túy loại Hêrôin với mục đích để sử dụng, thì bị lực lượng Cảnh sát bảo vệ Quảng trường phát hiện. Ngay sau đó, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và bị thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức được tác hại của các chất ma túy đối với sức khỏe con người và sự phát triển lành mạnh của nòi giống, việc sử dụng các chất ma túy là nguyên nhân gián tiếp làm phát sinh các loại tội phạm và tệ nạn xã hội khác, bị cáo cũng biết rõ pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi tàng trữ, sử dụng trái phép các chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm.

Vì vậy, đủ cơ sở khẳng định bị cáo phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình với một mức án tương xứng.

Bị cáo có nhân thân tốt; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Về áp dụng pháp luật đối với bị cáo: Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội quy định, thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội tại khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

So với tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 thì tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 có mức hình phạt khởi điểm nhẹ hơn. Do vậy, để thực hiện các quy định có lợi cho bị cáo nên cần được áp dụng quy định tại Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với hành vi phạm tội của bị cáo để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Cần tịch thu, tiêu hủy 1 phong bì được niêm phong số 6413/C54(P7) ngày 13-02-2015 của Viện Khoa học hình sự trực thuộc Tổng cục Cảnh sát của Bộ Công an.

Đối với 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 kèm theo sim số đã thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc thực hiện tội phạm, vì vậy sẽ tuyên trả lại cho bị cáo.

Đối với đối tượng tên B, là người đã cho bị cáo mượn xe mô tô để đi mua ma túy và đối tượng tên Đ, là người đã bán chất ma túy loại Hêrôin cho bị cáo ở khu vực gần Bến xe Đức Long Gia Lai, quá trình điều tra do bị cáo không biết rõ họ tên, địa chỉ của các đối tượng trên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P chưa có căn cứ xử lý. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi

nào xác định được các đối tượng trên, sẽ xem xét và xử lý sau.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 và Điều 45 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 12 (*mười hai*) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 03-6-2017.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu, tiêu huỷ 1 phong bì được niêm phong số 6413/C54(P7) ngày 13-02-2015 của Viện Khoa học hình sự trực thuộc Tổng cục Cảnh sát của Bộ Công an.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T 1 điện thoại di động hiệu Nokia 1202 kèm theo sim số.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14-7-2017 giữa Công an thành phố P và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P).

3. Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999; Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- UBND thị trấn I, huyện I, tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Thanh Huyền

